

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17 - 9 - 2025
V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Trần Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mầu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị O, sinh ngày 01/01/1977; Căn cước công dân số: ****77007769, cấp ngày 18/11/2021; Địa chỉ: Ấp V, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị O: Luật sư Trần Hoàng P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 32 Huỳnh Tấn Phát, phường A, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Số 32 Huỳnh Tấn Phát, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Võ Hoài H, sinh ngày 01/01/1976; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

Trụ sở chính: Số 442, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ trước đây: Số 442, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu:
Ông Trần Trung Tính; Địa chỉ: Số 41-41B-41C đường 30/4, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ (Địa chỉ trước đây: Số 41-41B-41C đường 30/4, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ) (Có mặt)

2. Ông Võ Văn K, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

3. Bà Võ Thị Như Y, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

4. Ông Võ Quan V, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

5. Ông Võ Đông T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

6. Bà Võ Thị Dân, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phan Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn bà Phan Thị O trình bày:* Bà và ông Võ Hoài H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau năm 2018. Ngày 22/02/2022 bà và ông H thuận tình ly hôn theo Quyết định số 49/2022/QĐST-HNGĐ của TAND huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong thời kỳ hôn nhân (từ năm 2001 đến ngày 22/02/2022) bà làm dâu trong gia đình ông Võ Tấn Thành và bà Võ Thị Dân (cha mẹ ruột của ông Võ Hoài H) ở cùng địa chỉ ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau thì bà và ông H được cha mẹ chồng giao trực tiếp quản lý, sử dụng, đầu tư, sản xuất toàn bộ trên phần đất có diện tích 56.430m² của gia đình, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 53159 do UBND huyện C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/12/1998 do ông Võ Tấn Thành đứng tên, để trang trải toàn bộ cuộc sống, sinh hoạt trong gia đình. Sau khi cha chồng của bà là ông Võ Tấn Thành chết năm 2005 đã để lại toàn bộ phần đất nêu trên. Đến năm 2020 ông H thừa kế toàn bộ diện tích đất của gia đình, được điều chỉnh tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo hồ sơ số 701290915002 ngày 25/6/2020. Sau đó bà và ông H tiếp tục quản lý, sử dụng, đầu tư và sản xuất cho đến nay. Quyền sử dụng đất nêu trên bà và ông H đã thế chấp vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) Chi nhánh Cà Mau. Sau đó bà và ông H đã trực tiếp giao số tiền đó cho ông Võ Đông Triều mượn và ông Triều trực tiếp đóng lãi cho ngân hàng từ khoảng tháng 9/2020 đến nay. Phần đất hiện nay có giá trị

2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Sau khi ly hôn do ông H trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 56.430m² gồm có 05 thửa, cụ thể:

- Thửa 450 đất trồng lúa có diện tích 6.900m².
- Thửa 457 đất trồng lúa có diện tích 14.500m².
- Thửa 106 đất trồng lúa có diện tích 8.600m² và 9.230m².
- Thửa 107 đất trồng vườn có diện tích 1.200m².
- Thửa 112 đất ở có diện tích 300m² và đất vườn 15.700m².

Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia quyền sử dụng đất của phần đất ông H nhận thừa kế trong thời kỳ hôn nhân với bà trong diện tích đất 56.430m², chia mỗi người một nửa (tức là mỗi người được hưởng 50%). Nhưng bà xin được nhận 23.730m² bao gồm các thửa như sau:

- Thửa 457 đất trồng lúa có diện tích 14.500m².
- Thửa 106 đất trồng lúa có diện tích 9.230m².

- Theo bị đơn ông Võ Hoài H trình bày: Ông và bà O tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2001 không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2013 ông và bà O được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết ly hôn (không công nhận là vợ chồng), nhưng sau đó ông và bà O vẫn sống chung như vợ chồng đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Mỹ. Đến khoảng cuối năm 2020 ông và bà O phát sinh mâu thuẫn nên ông và bà O thuận tình ly hôn theo Quyết định số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2022 của TAND huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất tranh chấp có diện tích 56.430m² tọa lạc ấp Kinh Lách, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Kinh Lách, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau) của cha ông là ông Võ Tấn Thành (Võ Trung Tấn). Cha ông chết năm 2006 để lại cho ông thừa kế toàn bộ phần đất nêu trên. Đây là tài sản riêng của ông do ông nhận thừa kế, không phải tài sản chung của ông và bà O. Sau khi nhận thừa kế ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này. Bà O không có đóng góp trên phần đất này vì ông và bà O đã ly hôn vào năm 2013, sau đó vẫn sống chung một thời gian đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn lại. Trong thời gian đó ông và bà O độc lập về kinh tế, không có đóng góp chung trên phần đất. Phần đất này ông và bà O đã thế chấp tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) Chi nhánh Cà Mau để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), mục đích vay để làm vốn thu mua hải sản, sản xuất kinh doanh phục vụ cho mục đích kinh tế của gia đình. Hiện tại khoản vay chưa đáo hạn. Đối với yêu cầu chia tài sản của bà O ông không đồng ý vì phần đất là tài sản riêng của ông do ông được thừa kế từ cha của ông.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Á Châu là ông Trần Trung Tính trình bày: Ông Võ Hoài H và bà Phan Thị O đã thế chấp phần đất có diện tích 56.430m² để đảm bảo cho khoản

vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tại hợp đồng số CAM.CN.1420.100820. Khi ký hợp đồng vay có ông H và bà O cùng ký, mục đích vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thu mua tôm nguyên liệu. Ông H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số CAM.BDCN.162.100820 ngày 11/8/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/8/2020 đối với thửa đất 106, 107, 112, 450, 457 tờ bản đồ số 4a, 4b tại xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Khi vay ngân hàng có thẩm định lại phần đất, lúc thẩm định chỉ có ông H quản lý, sử dụng phần đất này. Tính đến ngày 24/6/2025 ông H và bà O còn nợ ngân hàng số tiền 1.115.614.186 đồng, trong đó vốn gốc là 693.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.808.219 đồng, lãi quá hạn là 336.951.292 đồng, phạt chậm trả là 77.854.674 đồng. Nay ngân hàng có yêu cầu độc lập với nội dung yêu cầu ông H và bà O cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nêu trên và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký tính từ ngày 24/6/2025 đến khi trả xong khoản nợ. Nếu trường hợp ông H và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thanh toán nợ cho ngân hàng TMCP Á Châu.

Tại biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Dân trình bày: Bà là mẹ ruột của ông Võ Hoài H. Về nguồn gốc phần đất trên là do cha mẹ ruột của bà cho vợ chồng bà. Chồng bà là ông Võ Tấn Thành chết năm 2006. Sau khi chồng bà chết gia đình thỏa thuận ông Võ Hoài H được nhận thừa kế riêng toàn bộ phần đất trên. Hiện nay bà đang ở chung nhà cùng ông H trên phần đất tranh chấp. Nay bà O yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất nêu trên bà không đồng ý, lý do vì bà O và ông H độc lập về kinh tế, không có đóng góp chung trên phần đất. Hiện tại hai người con chung của ông H và bà O do bà và ông H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau) đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị O đối với ông Võ Hoài H về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 53.443,4m². Phần đất tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M 701290, số vào sổ 35159 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/1998 (đã được chỉnh lý tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Võ Hoài H).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau. Buộc ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O phải có trách nhiệm trả số tiền vay tính đến ngày 24/6/2025 là 1.115.614.186 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu sáu trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó vốn gốc

là 693.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.808.219 đồng, lãi quá hạn là 336.951.292 đồng, phạt chậm trả là 77.854.674 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số CAM.CN.1420.100820 ngày 11/8/2020 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau với ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O.

Trong trường hợp ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau có quyền yêu cầu bán phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CAM.BĐCN.162.100820 được Công chứng tại phòng công chứng số 1 ngày 11/8/2020, số công chứng 6278, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 12/8/2020, tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 56.430m² (theo đo đạc thực tế là 53.443,4m²), tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M 701290, số vào sổ 35159 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/1998 (đã được chỉnh lý tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Võ Hoài H). Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết số tiền nợ vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau thì ông Võ Hoài H và bà Phan Thị O mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 03/7/2025, nguyên đơn bà Phan Thị O kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O, chia cho bà O nhận hiện vật 02 phần đất tại thửa tại thửa 457 và 106 với tổng diện tích 23.730m²; yêu cầu ông H tự chịu trách nhiệm trả vốn và lãi suất cho Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị O, sửa án sơ thẩm.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bà Phan Thị O; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà O khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn ông H cư trú tại huyện C, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau) theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà O nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của nguyên đơn bà O kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O. Xét thấy, ông H và bà O tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2001 không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2013, ông H và bà O được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau) giải quyết ly hôn (không công nhận là vợ chồng), nhưng sau đó ông H và bà O vẫn sống chung như vợ chồng, đến năm 2018 ông H và bà O đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Mỹ. Đến khoảng cuối năm 2020, ông H và bà O phát sinh mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2022 của TAND huyện C, tỉnh Cà Mau, tại Quyết định trên, về tài sản chung và nợ chung ông H và bà O không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Bà O cho rằng trong thời gian chung sống từ năm 2001 đến năm 2022, bà và ông H có tài sản chung là phần đất có diện tích 56.430m^2 (theo đo đạc thực tế có tổng diện tích $17.980,7\text{m}^2 + 17.983,2\text{m}^2 + 17.479,5\text{m}^2 = 53.443,4\text{m}^2$). Bà O thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Võ Tấn Thành là cha ruột ông H, sau khi ông Thành chết ông H đã được thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (điều chỉnh tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ số 701290915002 ngày 25/6/2020). Bà O yêu cầu chia phần đất này làm 02 phần bằng nhau, bà O nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất, bà không đồng ý nhận giá trị đất và cũng không đồng ý tính công sức đóng góp. Đối với ông H cho rằng ông H được nhận thừa kế riêng phần đất trên vào năm 2020, ông H xác định toàn bộ phần đất

tranh chấp là tài sản riêng của ông H, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông bà nên không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng.

[4] Xét thấy, nguồn gốc tài sản tranh chấp là của ông Võ Tấn Thành là cha ruột ông H, sau khi ông Thành chết ông H đã được thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (điều chỉnh tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ số 701290915002 ngày 25/6/2020). Đây là các tình tiết sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do bà O là người khởi kiện và bà O cho rằng tài sản tranh chấp là tài sản chung vợ chồng của bà và ông H nên theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà O có nghĩa vụ chứng minh. Xét thấy, bà O thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ruột ông H là ông Võ Tấn Thành, bà O cho rằng ông H được nhận thừa kế tài sản từ ông Thành trong thời gian hôn nhân của bà và ông H tồn tại nên đây là tài sản chung của bà và ông H. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ ông Võ Tấn Thành sang cho ông H theo thủ tục thừa kế do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trích lục hồ sơ thể hiện, ông H được nhận thừa kế riêng đối với phần đất tranh chấp. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tài sản riêng của vợ, chồng thì phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông H. Ngoài ra, bà O và ông H cũng không có văn bản thỏa thuận việc nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung theo quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định không đủ căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp là tài sản chung của bà O và ông H, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà O đối với phần đất có diện tích 56.430m² là có căn cứ, đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan và toàn diện. Bà O kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà O.

[6] Nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho phụ nữ nên cấp sơ thẩm đã có giải thích rõ cho bà O về công sức đóng góp, chi phí cải tạo, tôn tạo làm tăng giá trị của phần đất tranh chấp nhưng bà O khẳng định chỉ yêu cầu chia phần đất tranh chấp do bà xác định đây là tài sản chung của bà và ông H, bà O không yêu cầu tính chi phí công sức đóng góp hay chi phí cải tạo, tôn tạo làm tăng giá trị của phần đất tranh chấp. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét công sức đóng góp của bà O là phù hợp.

[7] Xét kháng cáo của bà O yêu cầu ông H tự chịu trách nhiệm trả vốn và lãi suất cho Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau: Xét thấy, bà O và ông H đều thống nhất thừa nhận vợ chồng có thể chấp phần đất tranh chấp để vay vốn số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) Chi nhánh Cà Mau. Chứng cứ thể hiện rõ tại hợp đồng

tín dụng số CAM.CN.1420.100820, ông H và bà O cùng ký tên hợp đồng vay, mục đích vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thu mua tôm nguyên liệu, ngoài ra, ông H còn ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số CAM.BDCN.162.100820 ngày 11/8/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/8/2020 đối với thửa đất 106, 107, 112, 450, 457 tờ bản đồ số 4a, 4b tại xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do mục đích vay là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thu mua tôm nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh nhằm tăng thu nhập cho gia đình, chi phí cho con chung của ông H bà O đi học, trả nợ người khác do vay mượn để chăm lo cho các con, khoản vay được hình thành trong thời gian hôn nhân tồn tại nên cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà O, buộc ông H và bà O có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng là phù hợp, có căn cứ.

[8] Bà O cho rằng sau khi vay vốn đã cho ông Võ Đông Triều (anh ruột ông H) mượn để ông Triều kinh doanh, tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà O không đưa ra được chứng cứ chứng minh, việc bà O trình bày ông Triều có một số lần trả lãi khoản vay trên thì ông H thừa nhận ông H có nhờ ông Triều sẵn tiện giao dịch thanh toán tiền vay giúp ông H. Việc ông Triều có trả nợ lãi thay cho ông H không đủ cơ sở chứng minh ông H, bà O đã giao toàn bộ tiền vay cho ông Triều như ý kiến của bà O trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà O và ông H cùng liên đới trả nợ cho ngân hàng đối với số tiền vay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà O. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại việc tuyên án buộc ông H bà O mỗi người có nghĩa vụ cụ thể bao nhiêu để đảm bảo thi hành án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà O, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau). Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà O, như đã nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của luật sư.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà O kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị O; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau).

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 28, 30, 33, 38, 43, 44, 45, 46, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị O đối với ông Võ Hoài H về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 53.443,4m². Phần đất tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M 701290, số vào sổ 35159 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/1998 (đã được chỉnh lý tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Võ Hoài H).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu về việc buộc ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu tổng số tiền vay tính đến ngày 24/6/2025 là 1.115.614.186 đồng (bao gồm vốn gốc là 693.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.808.219 đồng, lãi quá hạn là 336.951.292 đồng, phạt chậm trả là 77.854.674 đồng).

2.1. Buộc ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu tổng số tiền vay tính đến ngày 24/6/2025 là 1.115.614.186 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu số tiền 557.807.093 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy ngàn không trăm chín mươi ba đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trong trường hợp ông Võ Hoài H, bà Phan Thị O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Á Châu có

quyền yêu cầu bán phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CAM.BĐCN.162.100820 được Công chứng tại phòng công chứng số 1 ngày 11/8/2020, số công chứng 6278, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 12/8/2020, tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 56.430m² (theo đo đạc thực tế là 53.443,4m²), tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M 701290, số vào sổ 35159 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/1998 (đã được chỉnh lý tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Võ Hoài H). Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết số tiền nợ vay của Ngân hàng TMCP Á Châu thì ông Võ Hoài H và bà Phan Thị O mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Á Châu.

3. Chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị O phải chịu tổng cộng là 58.517.880 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phan Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.734.200 đồng, bà Phan Thị O đã nộp tạm ứng án phí 16.238.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007916 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau), sau khi đối trừ bà Phan Thị O còn phải nộp tiếp số tiền là 6.496.200 đồng (Sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng), nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau.

Ông Võ Hoài H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.734.200 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau).

Ngân hàng TMCP Á Châu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP Á Châu đã nộp tạm ứng án phí 16.480.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008345 ngày 10/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng thi hành án Khu vực 4 – Cà Mau) (do ông Trần Trung Tính nộp thay) được nhận lại toàn bộ tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau.

4.2. Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà O đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000333 ngày 04/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau) được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC
tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 4 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt